

U MINH THƯỢNG

Tiêu chí : A1, A3 & A4i

Tỉnh: Kiên Giang
Tình trạng bảo vệ: Vườn Quốc gia
Vĩ độ: 9°35'N
Kinh độ: 105°05'E
Diện tích: 22.918 ha
Độ cao: 0-2 m so với mặt biển



VCĐH / PVCĐH:

Không

Cảnh quan ưu tiên:

LMF1 – Rừng trên đầm lầy than bùn U Minh

Mô tả chung

VCQT này có trung tâm là Vườn Quốc gia U Minh Thượng (UMT), nơi có rất nhiều kiểu sinh cảnh đất ngập nước như rừng tràm bán tự nhiên, các trảng cỏ ngập nước theo mùa và các đầm lầy trồng. VCQT này cũng bao gồm cả vùng đệm của Vườn Quốc gia, là một vùng ruộng lúa nước rộng lớn với các diện tích tràm trồng nhỏ. Cuối cùng, VCQT này bao gồm khu vực "rừng tràm trại giam", một diện tích tràm trồng tương đối rộng ở phía tây bắc của Vườn Quốc gia đang thuộc sự quản lý của một trại giam, nơi có một sân chim là khu vực tập trung sinh sản của nhiều loài chim nước¹.

Khu hệ chim: Những nét chính

UMT là nơi còn lại diện tích rừng trên đầm lầy than bùn lớn nhất Việt Nam và đã được xác định là một trong 3 khu vực quan trọng nhất cho công tác bảo tồn đất ngập nước ở đồng bằng sông Cửu Long¹. Khu hệ chim ở UMT đã được nghiên cứu tương đối kỹ với những chuyến khảo sát đầu tiên được tiến hành từ năm 1997², và từ tháng Tư năm 1999, việc khảo sát chim định kỳ tại khu vực này đã được tiến hành hàng tháng³. Các điều tra đến nay đã khẳng định sự tồn tại của 185 loài chim ở UMT², trong đó có 9 loài được thế giới quan tâm bảo tồn. Năm 1999, một dự án điều tra 10 vùng đất ngập nước quan trọng ở đồng bằng sông Cửu Long đã chỉ ra UMT là nơi có độ phong phú về khu hệ chim cao nhất, và có thể, là nơi có sân chim lớn nhất trong tất cả các vùng đã được điều tra trong dự án này¹. UMT đáp ứng một số tiêu chí của Công ước Ramsar và do vậy, đã được đề xuất để công nhận là khu Ramsar của Việt Nam¹. Ngoài các loài quan trọng đã đề cập ở trên, một số loài có tầm quan trọng bảo tồn ở mức quốc gia cũng đã được ghi nhận tại UMT như Sả mỏ rộng *Halcyon capensis*, Cò nhạn *Anastomus oscitans* và Hạc cổ trắng *Ciconia episcopus*¹².

Loài	Tiêu chí VCQT	Tình trạng	VCQT khác	Ghi chú
[Sếu cổ trụ <i>Grus antigone</i>]	A1	VU	4	Theo thông tin chưa kiểm chứng, dân địa phương cho rằng loài này thỉnh thoảng có đến UMT với số lượng ít vào mùa không sinh sản ² .
†Đại bàng đen <i>Aquila clanga</i>	A1	VU	2	Quan sát được một cá thể vào tháng 2/1997 và 10/2000 ^{3,4} . UMT có lẽ không thường xuyên có một quần thể đáng kể của loài này.
Bồ nông chân xám <i>Pelecanus philippensis</i>	A1	VU	6	Theo thông tin từ dân địa phương loài này có thể có những quần thể nhỏ nhưng không sinh sản trong vùng ² . Có nhiều ghi nhận từ 1999-2000, số đếm cao nhất được là 6 cá thể vào tháng 10/2000 ³ .
Già đầy Java <i>Leptoptilos javanicus</i>	A1	VU	7	Loài này thường xuyên được ghi nhận tại khu vực, số đếm được cao nhất là 7 cá thể vào tháng/ 2000 ³ .
Điều cá đầu xám <i>Ichthyophaga ichthaetus</i>	A1	NT	8	Chỉ có một ghi nhận một con non và một con trưởng thành vào tháng 10/2000 ³ .
Cổ rắn (điêng điêng) <i>Anhinga melanogaster</i>	A1	NT	9	Hai cá thể đi cùng nhau được ghi nhận vào năm 1997 ² . Các cá thể đơn lẻ vẫn được quan sát từ 1999-2000 ³ .
Quăm đầu đen <i>Threskiornis melanocephalus</i>	A1	NT	8	Loài này quan sát được thường xuyên vào tháng 4-5/1999 và tháng 1-4/2000. Số đếm được cao nhất vào năm 1999 là 44 cá thể nhưng đến năm 2000 chỉ là 4 cá thể ³ .
Giang sen <i>Mycteria leucocephala</i>	A1, A4i	NT	10	Các đàn lớn thỉnh thoảng được ghi nhận từ 1999-2000, số đếm được cao nhất là 380 cá thể vào tháng 10/2000 ³ .
Rồng rộc vàng <i>Ploceus hypoxanthus</i>	A1	NT	3	Một cá thể được ghi nhận vào năm 1997 ² . Bốn cá thể được quan sát vào tháng 6/2000 ³ .

Loài	Tiêu chí VCQT	Tình trạng	VCQT khác	Ghi chú
Xít (chích) <i>Porphyrion porphyrio</i>	A4i		0	Số đếm được trong ngày cao nhất là 2.000 cá thể vào năm 1997 ² .
Gà lôi nước Ấn Độ <i>Metopidius indicus</i>	A4i		0	Số đếm được trong ngày cao nhất là 1.000 cá thể vào năm 1997 ² .
Cốc đen <i>Phalacrocorax niger</i>	A4i		1	Loài này sinh sản trong "rừng tràm trại giam", với số đếm được cao nhất là 1.348 cá thể vào tháng 5/1999, 1.767 cá thể vào tháng 5/2000 và 1.143 cá thể vào tháng 7/2000 ³ .
Diệc lửa <i>Ardea purpurea</i>	A4i		0	Loài này sinh sản trong "rừng tràm trại giam", với số đếm được cao nhất là 406 cá thể vào tháng 8/1999, 415 cá thể vào tháng 5/2000 và 893 cá thể vào tháng 4/2000 ³ . (Nguyễn Phúc Bảo Hòa in litt.).
Quắm đen <i>Plegadis falcinellus</i>	A4i		0	Loài này sinh sản trong "rừng tràm trại giam", với số đếm được cao nhất là 1.391 cá thể vào tháng 5/1999 ¹ . Tuy nhiên, số đếm cao nhất năm 2000 chỉ là 326 cá thể vào tháng Ba ³ .

Ghi chú: [] = ghi nhận chưa được kiểm chứng; † = không khẳng định có cư trú thường xuyên với số lượng lớn.

Loài chỉ phân bố trong một đơn vị địa sinh học: Khu vực này đáp ứng tiêu chí A3 do là nơi cư trú của 10 loài chỉ phân bố trong khu vực Rừng Khô Nhiệt đới Indo - Mã Lai (Biome 11). Xem Phụ lục 4 để biết thêm chi tiết.

Các loài khác đang được quan tâm bảo tồn

Loài	tình trạng	Loài	tình trạng
*Khỉ đuôi dài <i>Macaca fascicularis</i> ^{2,3}	NT	Rùa rừng <i>Hieremys annandali</i> ^{2,3}	EN
Rùa hộp lưng đen <i>Cuora amboinensis</i> ³	VU	Rùa ba gờ <i>Malayemys subtrijuga</i> ^{2,3}	VU

Ghi chú: * = loài mới đưa vào.

Các mối đe dọa đến đa dạng sinh học

Rừng tràm có ý nghĩa sống còn đối với một số lượng đáng kể các loài quan trọng được biết có phân bố tại VCQT. Tuy nhiên, các sinh cảnh này hiện đang bị mất với tốc độ ngày càng tăng do việc cháy rừng⁶. Tuy cháy rừng cũng là một phần của sinh thái tự nhiên của rừng tràm, nhưng do việc quản lý chế độ nước không hợp lý của Vườn Quốc gia, dẫn đến mực nước thấp trong mùa khô và làm khô tầng than bùn, điều này làm tăng thêm khả năng và độ nghiêm trọng của các trận cháy rừng lớn, đặc biệt là các trận cháy gần đây tại Vườn Quốc gia trong năm 2002.

Các mối đe dọa khác đối với tính đa dạng sinh học của khu vực là săn bắn, do cả người dân địa phương và các nhóm người ngoài có tổ chức, và các kế hoạch phát triển hạ tầng du lịch bên trong vùng lõi của Vườn Quốc gia, trong đó có việc xây dựng một con đường nhựa vào trung tâm vùng lõi và xây dựng một đài tưởng niệm tại đây⁶.

Mối đe dọa	Độ nghiêm trọng
Cháy rừng	• • •
Săn bắn	• •
Phát triển cơ sở hạ tầng	• • •
Du lịch, giải trí	• • •
Khác	• • •

Các hoạt động bảo tồn

- Từ năm 1998, Care International và Sở Nông nghiệp, Phát triển Nông thôn Kiên Giang đã cùng thực hiện một dự án lồng ghép bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển do Danida tài trợ tại UMT, mục tiêu của dự án là bảo tồn tính đa dạng sinh học hiện có của UMT thông qua tăng cường năng lực quản lý địa phương và cải thiện mức sống của các cộng đồng dân cư tại đây, qua đó sẽ giảm mức độ phụ thuộc của họ vào các nguồn tài nguyên thiên nhiên⁶.
- Chính phủ Việt Nam đã quyết định nâng cấp UMT thành Vườn Quốc gia vào tháng 1/2002.

Kiến nghị

- Khu "rừng tràm trại giam", nơi có một trong những sân chim lớn nhất tại đồng bằng sông Cửu Long, nên được đưa vào trong diện tích quản lý của Vườn Quốc gia nhằm bảo tồn lâu dài sân chim này¹.
- U Minh Thượng đáp ứng các tiêu chí để được công nhận khu vực có tầm quan trọng quốc tế đối với công tác bảo tồn đất ngập nước theo Công ước Ramsar, và do đó cần được công nhận là một khu Ramsar.
- Tất cả các kế hoạch phát triển cơ sở hạ tầng trong khu vực cần được đánh giá cẩn thận về các tác động có thể của chúng lên khu hệ động thực vật. Các hoạt động trên quy mô lớn có thể gây ảnh hưởng lên các loài quan trọng và đến vùng sinh sản của các loài chim nước rất khó có thể giảm thiểu tác động hay thiết kế một cách phù hợp với công tác bảo tồn và do đó nên tránh một cách hoàn toàn.

- Không đào thêm bất cứ kênh mương nào trong Vườn Quốc gia do chúng sẽ làm tăng than bùn bị khô nhanh hơn, làm tăng nguy cơ cháy rừng và tạo thêm đường vào bên trong vườn cho những người xâm nhập trái phép.
- Cần có một chế độ quản lý thủy văn để tránh việc làm khô tầng than bùn và đảm bảo chất lượng thủy văn của khu vực như một nguồn cung cấp nước ngọt cho nền nông nghiệp ở địa phương.
- Tăng cường kiểm soát hiện tượng săn bắn trái phép các loài động vật trong khu vực.

Tài liệu tham khảo

1. Buckton, S. T., Nguyễn Cử, Nguyễn Đức Tú và Hà Quý Quỳnh (1999) *Bảo tồn các vùng đất ngập nước quan trọng ở đồng bằng sông Cửu Long*. Hà Nội: Chương trình BirdLife Quốc tế tại Việt Nam.
2. Safford, R. J., Tran Triet, Maltby, E. and Duong Van Ni (1998) Status, biodiversity and management of the U Minh wetlands, Vietnam. *Tropical Biodiversity* 5(3): 217-244.
3. Nguyen Xuan Dang, Pham Trong Anh *et al.* (in press) Biodiversity survey report of U Minh Thuong Nature Reserve. Unpublished report to the U Minh Thuong Nature Reserve Conservation and Community Development Project.
4. Nguyen Phuc Bao Hoa *in litt.* 2002.
5. Robson, C. R. (1997) From the field. *Oriental Bird Club Bulletin* 26: 60-66.
6. BirdLife International và Viện Điều tra Quy hoạch Rừng (2001) *Sách thông tin về các khu bảo vệ hiện có và đề xuất tại Việt Nam*. Hà Nội, Việt Nam: Chương trình BirdLife Quốc tế tại Việt Nam và Viện Điều tra Quy hoạch Rừng.



Già dầy Java *Leptoptilos javanicus*